



# THỰC TRẠNG LÀM VIỆC NHÀ VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI HẠNH PHÚC HÔN NHÂN TỔNG THỂ CỦA MỘT SỐ VỢ CHỒNG TRẺ SỐNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## *The Current Situation of Housework and Its Relationship with Overall Marital Happiness Among Young Couples in Ho Chi Minh City*

Quang Thị Mộng Chi

Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM

### Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện trên 300 khách thể nam nữ đã lập gia đình, hiện đang sinh sống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm hiểu về thực trạng phân công lao động trong gia đình và ảnh hưởng của nó đến hạnh phúc hôn nhân tổng thể tự đánh giá. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về giới tính trong việc đánh giá về mức độ tham gia làm việc nhà, cụ thể nam giới cho rằng mình làm việc nhà tương đương với nữ, còn nữ giới cho rằng họ làm nhiều việc nhà nhiều hơn chồng. Đồng thời, người nam đánh giá mình đã làm việc nhà đủ so với mức công bằng, nhưng người nữ lại cho thấy bản thân phải làm việc nhà nhiều hơn so với mức công bằng. Tuy nhiên, kết quả này lại có sự mâu thuẫn với sự tương quan giữa làm việc nhà và hạnh phúc tổng thể ở người nữ: người nữ tham gia làm việc nhà nhiều hơn sẽ có mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể cao hơn. Điều này thể hiện quan điểm về vai trò giới mang tính chuyển tiếp ở vợ chồng trẻ sống tại Thành phố Hồ Chí Minh: nam nữ nên chia sẻ việc nhà với nhau, tuy nhiên, người nữ nên làm nhiều việc nhà hơn chồng của mình.

**Từ khóa:** *Phân công lao động gia đình, Vai trò giới, Hạnh phúc hôn nhân, Vợ chồng trẻ, Cân bằng công việc và gia đình*

### Abstract

This study was conducted on 300 married individuals currently residing in Ho Chi Minh City to explore the division of household labor and its impact on self-perceived overall marital happiness. The findings reveal gender differences in household labor perceptions: men believe they contribute equally to housework, while women perceive themselves as doing more. Additionally, men feel they contribute a fair amount, whereas women feel they take on more than their fair share. Interestingly, despite this perceived imbalance, a positive correlation exists between housework participation and overall marital happiness in women who do more housework report higher levels of marital happiness. This reflects a transitional gender role perspective among young couples in Ho Chi Minh City: while both genders believe housework should be shared, women are still expected to take on a larger portion of domestic responsibilities.

**Keywords:** *Household labor division, Gender roles, Marital happiness, Young couples, Work-family balance*

### Đặt vấn đề

Hôn nhân là nền tảng quan trọng để xây dựng gia đình, trong đó cảm nhận hạnh phúc hôn nhân đóng vai trò thiết yếu, phản

ánh chất lượng mối quan hệ giữa các cặp vợ chồng (Hawkins và cộng sự, 2004). Hạnh phúc hôn nhân được xác định như một đánh giá chủ quan của cá nhân về mức

độ hài lòng trong mối quan hệ, bao gồm tất cả các khía cạnh liên quan đến đời sống hôn nhân (Fahimdanesh và cộng sự, 2020). Điều này cho thấy rằng sự phân công lao động trong gia đình giữa vợ và chồng là một yếu tố quan trọng góp phần định hình cảm nhận hạnh phúc trong hôn nhân.

Phân công lao động gia đình phản ánh quan niệm về vai trò giới trong xã hội. Theo Fischer, Reuber & Dyke (1993), quan điểm truyền thống thường gán trách nhiệm kiếm sống cho người chồng, trong khi người vợ phụ trách việc nhà và chăm sóc gia đình. Trái lại, quan điểm bình đẳng cho rằng cả hai vợ chồng cần chia sẻ trách nhiệm trong và ngoài gia đình. Quan điểm chuyển tiếp nằm giữa hai thái cực này, thể hiện sự thay đổi dần dần trong cách phân chia vai trò.

Tại Việt Nam, quan niệm truyền thống vẫn phổ biến, thể hiện qua các câu tục ngữ như “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm.” Người chồng được xem là trụ cột kinh tế, còn người vợ giữ vai trò chăm sóc gia đình và tạo không khí ấm cúng. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội đã thúc đẩy người phụ nữ tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm giảm dần sự bất bình đẳng giới trong gia đình (Nguyễn Hồng Linh, 2016).

Nghiên cứu cho thấy sự chia sẻ công việc nhà ảnh hưởng tích cực đến cảm nhận hạnh phúc hôn nhân. Ở các quốc gia phương Tây, sự chia sẻ bình đẳng về việc nhà giữa vợ và chồng được xem là yếu tố quan trọng giúp tăng sự hài lòng trong hôn nhân (Almudena Moreno-Mínguez và cộng sự, 2018). Ngược lại, các cặp vợ chồng theo quan điểm truyền thống, với sự phân công vai trò rõ ràng, có xu hướng gặp phải bất hòa khi kỳ vọng không được đáp ứng.

Thu nhập và tài chính cũng đóng vai trò lớn trong cách các cặp đôi phân chia công việc gia đình. Các cặp vợ chồng chọn tách riêng thu nhập thường có mối quan hệ bình đẳng hơn, trong khi những cặp gộp chung tài chính dễ quay về vai trò giới truyền thống (Hertz, 1986). Người có thu nhập thấp hơn có xu hướng làm nhiều công việc nhà hơn (Doan và Quadlin, 2019).

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa phân công công việc nhà và cảm nhận hạnh phúc hôn nhân của các cặp vợ chồng trẻ tại TP.HCM. Cụ thể, nghiên cứu đánh giá thực trạng phân chia công việc gia đình như nấu ăn, dọn dẹp và chăm sóc con cái, đồng thời đo lường mức độ hài lòng trong hôn nhân. Các yếu tố như giới tính, tuổi tác và thu nhập cũng được xem xét để xác định sự khác biệt trong quan điểm phân công lao động. Ngoài ra, nghiên cứu khám phá sự tương quan giữa việc chia sẻ công việc gia đình và cảm nhận hạnh phúc, bao gồm cả khả năng giảm thiểu xung đột trong đời sống vợ chồng. Cuối cùng, nghiên cứu sẽ đánh giá tác động trực tiếp của phân công lao động trong gia đình đến hạnh phúc hôn nhân, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

### **1. Phương pháp nghiên cứu**

- **Mẫu nghiên cứu:** Chúng tôi sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên bằng hình thức bảng khảo sát online. Đặc điểm mẫu: tuổi từ 18-45 tuổi, đang trong mối quan hệ hôn nhân, nếu khách thể nằm ngoài đối tượng này thì sẽ bị loại bỏ. Nghiên cứu sử dụng bảng khảo sát trực tuyến để thu thập dữ liệu và yêu cầu không để trống các câu trả lời nên nên không có dữ liệu bị khuyết thiếu.

**Bảng 1: Đặc điểm mẫu nghiên cứu**

Đặc điểm khách thể		N	%
Giới tính	Nữ	241	80,3
	Nam	59	19,7
Tuổi	Dưới 25 tuổi	8	2,7
	Từ 25 - 29 tuổi	29	9,7
	Từ 30 - 34 tuổi	88	29,3
	Từ 35 - 39 tuổi	93	31,0
	Từ 40 - 45 tuổi	82	27,3
Thu nhập	Dưới 5 triệu	14	4,7
	Từ trên 5 triệu - 10 triệu	97	32,3
	Từ trên 10 triệu - 20 triệu	104	34,7
	Trên 20 triệu	85	28,3

**Công cụ nghiên cứu:**

- Hạnh phúc hôn nhân: chúng tôi sử dụng 1 câu hỏi để đo lường sự tự đánh giá về hạnh phúc hôn nhân tổng thể là: “Nhìn một cách tổng thể, cuộc sống hôn nhân của anh/chị hạnh phúc ở mức độ nào?” với thang đo 11 mức độ (từ 0-11, với 0 là hoàn toàn không hạnh phúc và 11 là hoàn toàn hạnh phúc).

- Phân công công việc gia đình theo giới (trích từ thang đo ISSP 2012) có 5 items (đo lường mức độ thường xuyên làm những công việc trong nhà, cụ thể: giặt giũ, sửa chữa đồ dùng, chăm sóc thành viên gia đình bị ốm, đi chợ, dọn dẹp và chuẩn bị bữa ăn, gồm 5 mức độ (luôn là tôi, thường là tôi, như nhau/ cả hai cùng làm, thường là bạn đời của tôi, luôn là bạn đời của tôi), và 2 lựa chọn khác: do người khác làm và không thể trả lời). Thang đo này có độ tin cậy tốt (Cronbach's  $\alpha = 0.803$ ). Về hiệu lực thang đo, chúng tôi sử dụng Phân tích nhân tố khám phá EFA trên 300 mẫu bằng phương pháp phân tích các thành phần chính (principal components) và Phương

pháp trích xoay vuông góc (varimax) cho thấy hệ số KMO bằng 0.839 ( $P < 0.001$ ), Bartlett test: sự phù hợp của dữ liệu:  $p < 0.05$ : phép phân tích nhân tố là phù hợp về cỡ mẫu và dữ liệu. Số lượng nhân tố trích xuất (Eigen value) bằng 1 cho thấy thang đo này chỉ có 1 nhân tố, nghĩa là thang này chỉ có 1 thành phần duy nhất, phương sai trích bằng 51.329, giải thích được trên 51% nhân tố, Hệ số tải nhân tố từ 0.610 đến 0.813 cho thấy từng item liên quan cao đến nhân tố, do đó thang đo này phù hợp để đo lường sự phân công việc nhà theo giới.

- Đánh giá mức công bằng trong phân công công việc gia đình theo giới là câu hỏi có 5 mức độ lựa chọn, khách thể lựa chọn 1 mức độ đánh giá phù hợp nhất về việc so sánh mức độ làm việc nhà giữa vợ và chồng nhằm đánh giá về sự phân công việc nhà như vậy là công bằng hay không (Ví dụ: tôi làm nhiều hơn phần việc nhà của mình - tôi làm ít hơn nhiều so với phần việc nhà đáng lẽ mình phải làm.)

**Quy trình phân tích dữ liệu**

- Để mô tả thực trạng về quan điểm vai trò giới trong việc phân công lao động trong gia đình và mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể tự đánh giá của vợ chồng trẻ, chúng tôi sử dụng các chỉ số: điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tỷ lệ phần trăm.

- Để so sánh mức độ hạnh phúc và quan điểm vai trò giới theo các lát cắt khác nhau thì chúng tôi sử dụng kiểm định t-test (kiểm tra sự khác biệt về giới tính), one-way anova (kiểm tra sự khác biệt trong tuổi tác và mức thu nhập).

- Để kiểm tra sự tương quan giữa phân công lao động gia đình và sự đánh giá mức độ công bằng trong phân công lao động trong gia đình và mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể, chúng tôi sử dụng phân tích tương quan hai biến Pearson r.

- Để kiểm tra sự Phân công lao động trong gia đình có ảnh hưởng thế nào đến

mức độ hạnh phúc hôn nhân tổng thể chúng tôi sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến.

**2. Kết quả phân tích dữ liệu****Mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể của vợ chồng trẻ**

Dựa trên kết quả thu được từ 300 phiếu khảo sát, chúng tôi thấy mức trung bình hạnh phúc hôn nhân tổng thể của vợ chồng trẻ là 7.28 với ĐLC là 2.3 là tương đối cao. Median là 8 và Mode cũng là 8 cho thấy đa số vợ chồng trẻ trong mẫu đánh giá mức độ hạnh phúc hôn nhân của mình là khá cao (mức từ 8 đến 10, chiếm 58.3% trên thang điểm 10). Tuy nhiên cũng có tới 19% mẫu cho rằng hôn nhân ít hạnh phúc (Từ mức 5 trở xuống), trong đó có 2.3% chọn mức 0 và gần 10% chọn mức 1 và 2, điều này cho thấy 1/5 vợ chồng trẻ tham gia khảo sát đánh giá mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể của mình rất thấp.

**Bảng 2: Điểm trung bình mức độ hạnh phúc hôn nhân tổng thể của VCT**

N	Missing	ĐTB	Trung vị	Yếu vị	ĐLC
300	0	7.28	8	8	2.3

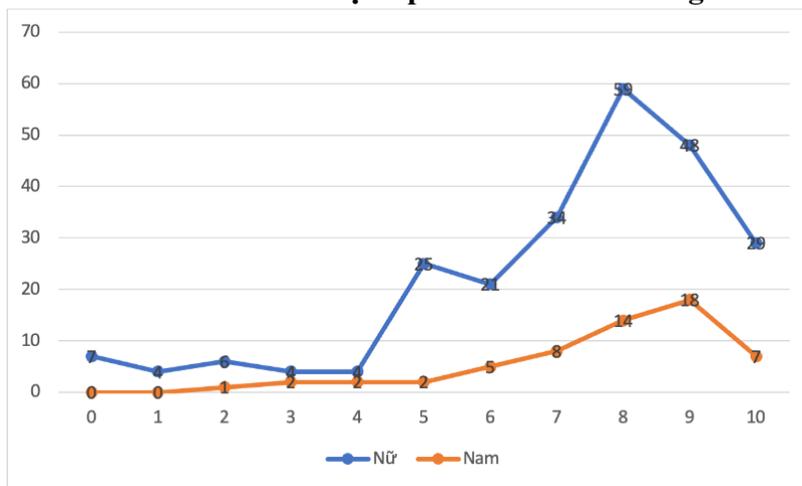
**Bảng 3: Bảng phân phối tần số của mức độ hạnh phúc hôn nhân tổng thể của VCT**

Mức hạnh phúc	Tần số	Tỉ lệ %	Tỉ lệ % lũy tiến
.00	7	2.3	2.3
1.00	4	1.3	3.7
2.00	7	2.3	6.0
3.00	6	2.0	8.0
4.00	6	2.0	10.0
5.00	27	9.0	19.0
6.00	26	8.7	27.7
7.00	42	14.0	41.7
8.00	73	24.3	66.0
9.00	66	22.0	88.0
10.00	36	12.0	100.0
Total	300	100.0	

Trong đó, nhìn vào biểu đồ 1, ta thấy mức độ hạnh phúc hôn nhân ở nam giới cao hơn nữ giới, cụ thể, điểm của nam tập trung ở quanh mức 9, ở nữ tập trung nhiều nhất ở mức 8 điểm. Ngoài ra, đồ thị cũng cho thấy, ở nam giới có sự đánh giá về hạnh phúc hôn nhân ít phân tán hơn với mức thấp nhất là 2, cao nhất là 10 và chủ

yếu tập trung trên mức 5. Ngược lại, ở nữ, mức điểm trải dài từ 0 điểm (có 3.7% đánh giá hạnh phúc hôn nhân từ mức 1 trở xuống là nữ giới) đến 10 điểm và có tạo thêm 1 đỉnh thấp ở mức 5 trước khi tạo đỉnh mới ở mức 8, điều này cho thấy sự phân tán trong mức đánh giá về hạnh phúc hôn nhân ở nữ giới cao hơn nam giới.

**Biểu đồ 1: Tần số mức hạnh phúc hôn nhân theo giới tính**



Để kiểm tra xem sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê hay không, chúng tôi tiến hành kiểm định Independent samples *t*-test giữa biến hạnh phúc hôn nhân và biến giới tính. Kiểm tra Levene’s cho kết quả  $p >$

0,05 nên phương sai giữa các nhóm này đồng nhất. Kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ về mức độ hạnh phúc hôn nhân tổng thể ( $P=0.092 > 0.05$ ).

**Bảng 4: Điểm trung bình hạnh phúc hôn nhân tổng thể theo giới tính**

	Giới tính	N	ĐTB	ĐLC
Hạnh phúc hôn nhân	Nữ	241	7.17	2.38
	Nam	59	7.73	1.88

Bên cạnh đó, chúng tôi sử dụng phân tích phương sai 1 nhân tố (one-way ANOVA) để xem xét sự khác biệt về mức độ hạnh phúc hôn nhân ở các nhóm mức thu nhập. Kết quả kiểm định one-way ANOVA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê,  $F(3,296)= 4.21, P=0.006$ . Kết quả

Terkey test cho thấy có sự khác biệt thống kê trong nhóm thu nhập dưới 5 triệu/tháng với các nhóm còn lại. Như vậy, thu nhập thấp sẽ ảnh hưởng đến mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể của vợ chồng trẻ, điều này cho thấy vấn đề tài chính là một vấn đề quan trọng trong đời sống hôn nhân gia đình.

**Bảng 5: So sánh mức hạnh phúc hôn nhân tổng thể theo các nhóm mức thu nhập**

Mức thu nhập	Trung bình hạnh phúc hôn nhân
Dưới 5 triệu	5.29
Từ trên 5 triệu -10 triệu	7.16
Từ trên 10 triệu – 20 triệu	7.51
Từ 20 triệu – 30 triệu	0.0
Trên 30 triệu	7.45

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	64.817	3	21.606	4.21	0.006
Within Groups	1519.22	296	5.133		
Total	1584.037	299			

**Thực trạng về phân công lao động trong gia đình**

Để xác định ĐTB phân công việc nhà của vợ chồng trẻ thuộc các mức ý nghĩa

như thế nào, chúng tôi tính khoảng cho biến số liên tục dựa trên công thức:  $n/n+1$ . Với cách tính như vậy, chúng tôi có bảng 6:

**Bảng 6: các mức ý nghĩa của điểm trung bình phân công công việc gia đình**

Dưới 1.80	1.81 – 2.60	2.61- 3.40	3.41 – 4.2	Trên 4.2
Luôn là tôi	Thường là tôi	Như nhau/cả 2 cùng làm	Thường là bạn đời của tôi	Luôn là bạn đời của tôi

Dữ liệu ở bảng số 7 cho thấy với công việc giặt ủi, đi chợ, nấu nướng người nữ cho rằng thường họ là người làm chính, ở việc chăm sóc người thân và lau dọn nhà cửa thì có sự tham gia cùng hoặc phân chia đều với chồng của họ. Tuy nhiên,

người nam thì cho rằng họ cùng làm hoặc làm như nhau với người bạn đời của mình trong tất cả công việc nhà, tuy nhiên độ lệch chuẩn của các điểm trung bình khá cao, cho thấy mức độ phân tán của dữ liệu khá lớn.

**Bảng 7: Phân công công việc gia đình theo giới tính**

Giới tính		Giặt ủi	Chăm sóc người thân	Đi chợ	Lau dọn nhà cửa	Nấu nướng
Nữ (N=219)	ĐTB	2.46	2.65	2.39	2.62	2.37
	ĐLC	0.95	0.70	0.82	0.80	0.89
Nam (N=54)	ĐTB	3.13	3.02	3.20	3.07	3.30
	ĐLC	1.01	0.79	0.92	0.80	1.04

Để có cái nhìn cụ thể hơn trong thực trạng đánh giá của nam và nữ về phân công việc nhà trong gia đình, chúng tôi tiến hành so sánh mức độ làm việc nhà của nam và nữ bằng cách sử dụng tỷ lệ % lựa chọn mức độ từ 1-5, tương ứng với lựa chọn “luôn là tôi” cho đến “luôn là bạn đời của tôi” của nam và nữ. Theo kết quả thể hiện trong bảng 8 chúng ta có thể thấy, với công việc giặt ủi, có khoảng trên 40% vợ chồng trẻ cho rằng cả 2 cùng làm hoặc mức phân chia công việc như nhau, chỉ có 2.3% nữ cho rằng luôn là người bạn đời thực hiện, nhưng con số này ở nam là 7.4%, ở mức thường là bạn đời của tôi thực hiện có 8.2% nữ lựa chọn nhưng có tới 27.8% nam lựa chọn. Như vậy, mặc dù gần một nửa số người tham gia cho rằng công việc giặt ủi trong gia đình họ có sự chia sẻ công việc cùng nhau nhưng phần lớn số còn lại vẫn là người nữ đảm nhiệm.

Với việc chăm sóc người thân khi có ốm đau bệnh tật hoặc người già yếu thì trên 63% nam nữ cùng chia sẻ công việc này, tuy nhiên, người nữ vẫn đảm đương công việc nhiều hơn nam (ở nữ: 0% nữ chọn mức 5, 4,6% chọn mức 4, 8.2% chọn mức 1 và 23.3% chọn mức 2; những con số này ở nam lần lượt là 3.7%, 14.8%, 5.6% và 9.3%).

Với việc đi chợ, có dưới 50% vợ

chồng trẻ làm việc cùng nhau, còn lại phần lớn là người nữ làm nhiều hơn người nam, chỉ có 0.5% luôn là người nam đi chợ, ngược lại, với người nam thì có 7.4% luôn là người bạn đời của họ đi chợ, và theo người nam thì có tới 27.8% chọn đáp án thường là bạn đời của họ đi chợ, nhưng mức độ này chỉ có 5.9% nữ lựa chọn.

Với việc lau chùi, dọn dẹp nhà cửa thì có trên 50% nam giới và nữ giới cùng làm hoặc làm như nhau, với trên 40% còn lại thì sẽ nghiêng về phía người nữ sẽ thường xuyên làm việc này hơn, có khoảng 0.9% người nữ chọn người bạn đời luôn đảm nhận nhiệm vụ này, 6.8% chọn thường là người bạn đời của họ làm; con số này tương ứng trong lựa chọn của người nam là: 3.7% và 20.4%.

Với công việc nấu nướng, thì có dưới 41% cho rằng cả hai cùng tham gia vào, phần lớn là người phụ nữ sẽ là người đảm nhiệm chính, có tới 56.2% người nữ cho rằng luôn là họ và thường là họ đảm nhiệm công việc này, người bạn đời của họ chỉ tham gia thường xuyên và luôn luôn ở mức dưới 8%. Ở lựa chọn của nam giới, khoảng 23% nam cho rằng họ thường xuyên tham gia vào việc nấu nướng, và có khoảng 37% nam cho rằng bạn đời của họ thường xuyên và luôn luôn làm việc này hơn.

**Bảng 8: Tỷ lệ phần trăm mức độ làm việc nhà của nam và nữ**

Mức độ	ĐVT %									
	Giặt ủi		Chăm sóc người thân		Đi chợ		Lau dọn nhà cửa		Nấu nướng	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Luôn là tôi	17.8	7.4	8.2	5.6	14.6	3.7	10.5	3.7	16.9	1.9
Thường là tôi	31.5	14.8	23.3	9.3	38.4	14.8	25.6	13	39.3	20.4
Như nhau/cả 2 cùng làm	40.2	42.6	63.9	66.7	40.6	46.3	56.2	59.3	35.6	40.7
Thường là bạn đời của tôi	8.2	27.8	4.6	14.8	5.9	27.8	6.8	20.4	6.8	20.4
Luôn là bạn đời của tôi	2.3	7.4	0	3.7	0.5	7.4	0.9	3.7	1.4	16.7

Dữ liệu ở bảng 8 cho thấy nữ giới thường xuyên làm việc nhà hơn nam giới. Điều này khiến cho họ cảm thấy có sự bất công hơn trong làm việc nhà so với người bạn đời của họ. Với ĐTB của nữ là 2.46 thuộc mức thứ 2, họ cho rằng “Tôi làm nhiều hơn một chút phần so với phần việc nhà của mình” (một cách công bằng).

Tuy nhiên, người nam lại cho rằng họ làm gần như vừa đủ phần việc nhà của mình (2.85, nghĩa là “Tôi làm gần đủ công việc nhà đáng lẽ tôi phải làm”), như vậy, người nam đánh giá bản thân mình đã thực hiện khá đầy đủ nhiệm vụ làm việc nhà, mặc dù họ làm ít việc nhà hơn nữ (Xem bảng 9).

**Bảng 9: Điểm trung bình đánh giá mức công bằng trong làm việc nhà**

Giới tính	ĐTB	N	ĐLC
Nữ	2.46	241	1.16
Nam	2.85	59	1.24
Total	2.53	300	1.19

Chúng tôi sử dụng kiểm định T-test để so sánh sự đánh giá công bằng hay bất công trong làm việc nhà của hai nhóm nam và nữ. Kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam giới (ĐTB = 2.85, ĐLC = 1.24) và nữ giới (ĐTB = 2.46 và ĐLC = 1.16) về sự đánh

giá mức công bằng trong làm việc nhà.  $t(271) = -2.081, P = 0.038$ . Kết quả này gợi ý rằng người nam cảm thấy mức phân công việc nhà là công bằng khi họ làm ít việc nhà hơn, còn người nữ thì cho rằng việc họ làm nhiều việc nhà hơn là không công bằng.

**Bảng 10: Sự khác biệt về giới tính trong đánh giá sự công bằng trong làm việc nhà.**

	Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means		Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
	F	Sig.	t	df				Lower	Upper
Equal variances assumed	0.503	0.479	-2.08	271	0.04	-0.4	0.1786	-0.7232	-0.02
Equal variances not assumed			-1.99	76.9	0.05	-0.4	0.1871	-0.7443	0.001

**- So sánh mức độ làm việc nhà của nam và nữ theo các độ tuổi**

Chúng tôi sử dụng phân tích phương

sai 1 nhân tố (one-way ANOVA) để xem xét sự khác biệt về phân công lao động trong gia đình ở nhóm nam và nhóm nữ ở 5

độ tuổi khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy, ở nhóm khách thể nữ, ảnh hưởng của độ tuổi trên sự phân công việc nhà là có sự khác biệt về mặt thống kê,  $F(4,214)=5.062$ ,  $P = 0.001$ .

Kết quả Tamhane's T2 test cho thấy có sự khác biệt thống kê trong nhóm tuổi từ 40-45 so với 2 nhóm tuổi 25-29 và 30-44 về phân công lao động trong gia đình

nhưng không có sự khác biệt giữa các nhóm khác. Như vậy, chúng ta có thể thấy, những người phụ nữ lớn tuổi hơn trong nghiên cứu này thường xuyên làm việc nhà nhiều hơn người bạn đời của họ hơn so với nhóm tuổi trẻ hơn. Điều này cho thấy những người nữ giới càng trẻ tuổi càng có xu hướng chia sẻ công việc nhà với chồng nhiều hơn.

**Bảng 11: ĐTB tham gia làm việc nhà theo độ tuổi ở nữ**

Độ tuổi	ĐTB	N	ĐLC
Dưới 25 tuổi	2.92	5	0.58
Từ 25 – 29 tuổi	2.78	21	0.43
Từ 30 – 34 tuổi	2.62	63	0.51
Từ 35 – 39 tuổi	2.44	65	0.55
Từ 40 – 45 tuổi	2.30	65	0.62

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	6.17	4	1.543	5.1	0.001
Within Groups	65.217	214	0.305		
Total	71.388	218			

Tương tự, chúng tôi phân tích phương sai 1 nhân tố trong mẫu nam giới, để tìm hiểu sự khác biệt giữa các độ tuổi trong tham gia làm việc nhà ở người nam, kết quả cho thấy có không có sự khác biệt có ý

nghĩa thống kê về ảnh hưởng của tuổi tác trên mức làm việc nhà,  $F(4,49)= 2.189$ ,  $P=0.084$  (xem bảng 12). Kết quả này có thể do sự chênh lệch trong số lượng khách thể nam tham gia nghiên cứu.

**Bảng 12: ĐTB mức độ tham gia làm việc nhà theo độ tuổi ở nam**

Tuổi	ĐTB	N	ĐLC
Dưới 25 tuổi	4	2	1.41
Từ 25 – 29 tuổi	2.48	5	1.08
Từ 30 – 34 tuổi	3.33	16	0.53
Từ 35 – 39 tuổi	3.08	18	0.38
Từ 40 – 45 tuổi	3.14	13	0.94

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	4.273	4	1.068	2.189	.084
Within Groups	23.920	49	.488		
Total	28.193	53			

**- Tương quan giữa mức độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân tổng thể**

Chúng tôi sử dụng tương quan Pearson để kiểm tra mối quan hệ tuyến tính giữa mức

độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân tổng thể ở vợ chồng trẻ tại Tp. HCM. Kết quả cho thấy có mối quan hệ thuận chiều giữa hai biến,  $r(298) = 0.217, p = 0.00$ .

**Bảng 13: Tương quan giữa mức độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân tổng thể ở VCT**

		Hạnh phúc hôn nhân tổng thể	Mức độ làm việc nhà
Hạnh phúc hôn nhân tổng thể	Pearson Correlation	1	.217**
	Sig. (2-tailed)		0
	N	300	300
Mức độ làm việc nhà	Pearson Correlation	.217**	1
	Sig. (2-tailed)	0	
	N	300	300

\*\* Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Vì mức độ tham gia làm việc nhà ở nam và nữ có sự khác biệt với nhau nên chúng tôi tiến hành kiểm định mối quan hệ tuyến tính giữa mức độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân tổng thể trên nhóm

nam và nữ riêng biệt. Ở nhóm nữ, Sử dụng phân tích tương quan Pearson cho kết quả là có mối quan hệ thuận chiều giữa hai biến,  $r(217) = 0.315, p = 0.00$ .

**Bảng 14: Tương quan giữa mức độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân tổng thể ở nữ**

		Mức độ tham gia làm việc nhà	Hạnh phúc hôn nhân tổng thể
Mức độ làm việc nhà	Pearson Correlation	1	.352**
	Sig. (2-tailed)		0
	N	219	219
Hạnh phúc hôn nhân tổng thể	Pearson Correlation	.352**	1
	Sig. (2-tailed)	0	
	N	219	219

\*\* Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Tương tự, chúng tôi cũng tiến hành phân tích tương quan Pearson giữa mức độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân tổng thể của nam giới thì thấy không có mối quan hệ thống kê ( $P=0.233>0.05$ ). Như vậy, mối quan hệ thuận chiều giữa việc tham gia làm việc nhà và cảm nhận hạnh phúc tổng thể đến từ nữ giới: nữ giới tham gia vào làm việc nhà nhiều hơn sẽ thấy hạnh phúc hơn, còn nam giới tham gia làm việc nhà thì không có ảnh hưởng đến đánh giá hạnh phúc hôn nhân của họ.

### 3. Thảo luận

Kết quả khảo sát từ 300 cặp vợ chồng trẻ cho thấy mức độ hạnh phúc hôn nhân trung bình khá cao ( $\text{ĐTB} = 7.28/10$ ,  $\text{ĐLC} = 2.3$ ), với 58.3% mẫu đánh giá hôn nhân của mình từ mức 8 trở lên. Tuy nhiên, khoảng 19% người tham gia đánh giá hôn nhân của mình dưới mức 5, trong đó có 2.3% chọn mức 0. Điều này gợi ý rằng, dù phần lớn vợ chồng trẻ có cuộc sống hôn nhân khá hài lòng, vẫn tồn tại một bộ phận đáng kể có cảm giác không hạnh phúc.

Điều đáng chú ý là mức độ hạnh phúc của nam giới trung bình cao hơn nữ giới, tập trung quanh mức 9, trong khi nữ giới tập trung quanh mức 8, với sự phân tán điểm số lớn hơn ở nữ giới. Tuy nhiên, kết quả kiểm định Independent samples t-test ( $P=0.092 > 0.05$ ) không cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ về hạnh phúc hôn nhân, phù hợp với kết quả nghiên cứu của Phan Thị Mai Hương et al. (2019) tại Việt Nam.

Dữ liệu khảo sát cho thấy sự phân công lao động trong gia đình vẫn mang tính truyền thống: Phần lớn phụ nữ đảm nhiệm chính công việc giặt ủi và nấu nướng, chỉ khoảng 41% các cặp đôi chia sẻ việc nấu ăn, với nữ giới cho rằng họ làm nhiều phần việc hơn. Khoảng 63% cặp đôi

cùng chia sẻ việc chăm sóc người thân, nhưng nữ giới vẫn đảm đương nhiều hơn nam. Hơn 50% cặp đôi cùng đi chợ và lau dọn nhà cửa, đây là công việc nhà có sự phân chia tương đối đều, nhưng vẫn có xu hướng phụ nữ làm nhiều hơn.

Sự khác biệt đáng chú ý giữa nhận thức của nam và nữ về phân công việc nhà thể hiện qua việc nam giới cảm thấy việc nhà đã được chia sẻ công bằng, trong khi đó nữ giới thì nhận thấy có sự bất công. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Forste & Fox (2012), khi phụ nữ có quan điểm bình đẳng cảm thấy bất công nếu công việc nhà không được chia sẻ.

Kết quả cũng cho thấy tham gia làm việc nhà có mối quan hệ thuận chiều với cảm nhận hạnh phúc hôn nhân tổng thể. Tuy nhiên, khi phân tích riêng biệt giữa nam và nữ thì cho thấy phụ nữ cảm thấy hạnh phúc hơn khi chồng chia sẻ công việc nhà, còn ở nam giới thì tham gia làm việc nhà lại không tác động đáng kể đến cảm nhận hạnh phúc của họ. Những kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Beutell & Wittig-Berman (1999) và Duxbury & Higgins (2001), khi vai trò giới trong công việc gia đình ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hôn nhân, đặc biệt là đối với phụ nữ. Sự bất công trong phân công lao động có thể dẫn đến xung đột vai trò và giảm sự hài lòng hôn nhân, như khẳng định của Girgis, George & Anderson (2010).

Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng phụ nữ lớn tuổi hơn (từ 40-45 tuổi) thường làm nhiều việc nhà hơn, trong khi nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn có xu hướng chia sẻ việc nhà đồng đều hơn với chồng. Điều này phản ánh sự thay đổi nhận thức vai trò giới hiện đại, tương tự như trong nghiên cứu của Oláh, Richter & Kotowska (2018).

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hạnh phúc hôn nhân tổng thể của vợ chồng trẻ tại TP.HCM đạt mức khá cao (ĐTB = 7.28, ĐLC = 2.3). Mặc dù nam giới đánh giá mức độ hạnh phúc hôn nhân cao hơn và đồng đều hơn nữ giới, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê.

Về tham gia làm việc nhà, có sự khác biệt rõ rệt trong cách đánh giá của nam và nữ. Nam giới cho rằng họ đã tham gia công bằng vào công việc nhà, trong khi nữ giới cảm thấy mình làm nhiều hơn mức được coi là công bằng. Tuổi tác cũng có tác động nhất định, khi phụ nữ lớn tuổi (40 - 45 tuổi) thường tham gia làm việc nhà nhiều hơn so với nhóm trẻ tuổi hơn.

Phân tích mối quan hệ giữa việc làm

việc nhà và cảm nhận hạnh phúc hôn nhân chỉ ra sự khác biệt theo giới tính. Ở nữ, có mối quan hệ thuận chiều giữa việc làm việc nhà và mức độ hài lòng hôn nhân ( $r=0.352$ ); phụ nữ làm việc nhà nhiều hơn cảm thấy hạnh phúc hơn. Ngược lại, không có mối quan hệ tương quan giữa mức độ làm việc nhà và hạnh phúc hôn nhân ở nam giới.

Kết quả này phản ánh quan điểm vai trò giới chuyển tiếp giữa truyền thống và hiện đại: phụ nữ vẫn đảm nhận phần lớn công việc nhà, nhưng mong đợi sự chia sẻ từ người chồng để đạt được cảm giác công bằng. Điều này gợi ý rằng việc thúc đẩy sự phân công lao động công bằng trong gia đình là cần thiết để cải thiện chất lượng cuộc sống hôn nhân trong bối cảnh xã hội hiện đại.

**Lời cảm ơn:** “Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề án mã số NCM2023-01.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Almudena Moreno-Mínguez, Marta Ortega-Gaspar, Carlos Gamero-Burón. (2018). *A Socio-Structural Perspective on Family Model Preferences, Gender Roles and Work Family Attitudes in Spain*. Social Sciences, MDPI, Basel, Switzerland.
- Beutell, N. J., & Wittig-Berman, U. (1999). Predictors of work–family conflict and satisfaction with family, job, career, and life. *Psychological Reports*, 85(3, Pt 1), 893–903. <https://doi.org/10.2466/PR0.85.7.893-903>
- Doan, L., & Quadlin, N. (2019). *Partner Characteristics and Perceptions of Responsibility for Housework and Child Care*. *Journal of Marriage and Family*, 81(1), 145–163. <https://doi.org/10.1111/jomf.12526>
- Duxbury, L., & Higgins, C. (2001). *Work-Life Balance in the New Millennium: Where Are We? Where Do We Need To Go?* CPRN Discussion Paper.
- Fahimdanesh, F., Noferesti, A., & Tavakol, K. (2020). *Self-Compassion and Forgiveness: Major Predictors of Marital Satisfaction in Young Couples*. *American Journal of Family Therapy*, 48(3), 221–234. <https://doi.org/10.1080/01926187.2019.1708832>
- Fischer, Eileen M. & Reuber, A. Rebecca & Dyke, Lorraine S. (1993). *A theoretical overview and extension of research on sex, gender, and entrepreneurship*. *Journal of Business Venturing*, Elsevier, 8(2),151-168.

- Forste, R. & Fox, K. (2014). *Gender Roles, Household Labor, and Family Satisfaction: A Cross-National Comparison*. *Journal of Comparative Family Studies* (43 – 5), 613 – 631
- Girgis, S., George, P. R., & Anderson, R. T. (2010). What is Marriage?(November 23, 2012). *Harvard Journal of Law and Public Policy*, 34(1), 245-287.
- Hawkins, A. J., Carroll, J. S., Doherty, W. J., & Willoughby, B. J. (2004). *A comprehensive framework for marriage education*. *Family Relations*, 53(5), 547–558. <https://doi.org/10.1111/j.0197-6664.2004.00064.x>
- Hertz, R. (1986). *More Equal than Others*. University of California Press EBooks. <https://doi.org/10.1525/9780520342187>
- Nguyễn Hồng Linh. (2016). *Về vai trò của phụ nữ trong kinh tế hộ gia đình* (Trường hợp ở huyện Ba Vì, Hà Nội). *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 4, 2017.
- Oláh, L. S., Kotowska, I. E., & Richter, R. (2018). *The new roles of men and women and implications for families and societies* (pp. 41-64). Springer International Publishing.
- Pham, T. T. H., & Luu, T. L. (2019). *Thích ứng thang đo Hạnh phúc PERMA Profiler để đo lường hạnh phúc hôn nhân của các cặp vợ chồng*. *Kỷ Yếu Hội Thảo Quốc Tế Về Sức Khỏe Tâm Thần Trẻ Em Việt Nam Lần Thứ V*, 236–245. [https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU\\_123/98331/1/23\\_KyYeuHoiThaoQuocTeVeSucKhoe\\_2019\\_p237-246.pdf](https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/98331/1/23_KyYeuHoiThaoQuocTeVeSucKhoe_2019_p237-246.pdf)

Ngày nhận bài: 27/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 29/12/2024